

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: khối hộp chữ nhật, khối lập phương

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù.

- củng cố cách nhận diện được khối hộp chữ nhật, khối lập phương, số cạnh, số mặt, số đỉnh của khối hộp chữ nhật và khối lập phương.
- Rèn kĩ năng nhận diện, phân biệt khối hộp chữ nhật, khối lập phương với các hình khối khác, một cách nhanh và chính xác (BT1, 2)
- Vận dụng các bài toán thực tế liên quan đến phân biệt đặc điểm, nhận diện, đếm khối hộp chữ nhật, khối lập phương (BT3)

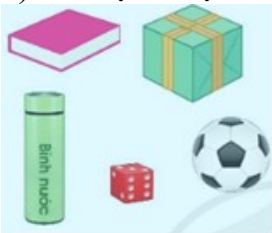
2. Năng lực chung.

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

3. Phẩm chất.

Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động - Cho lớp chơi trò chơi “Quan sát đồ vật, trả lời các câu hỏi” a) Đồ vật thuộc các dạng hình khối nào:  - GV nhận xét, giới thiệu bài b) Ôn tập khối hộp chữ nhật và khối lập phương. - Hãy chỉ ra khối hộp chữ nhật và khối lập phương trong 2 hình sau:  - Gọi HS lên chỉ ra các mặt, các cạnh, các đỉnh của khối lập phương và khối hộp chữ nhật. - Khối lập phương và khối hộp chữ nhật giống nhau ở điểm nào? Khác nhau ở điểm nào? Chốt: - Khối hộp chữ nhật có 6 mặt, các mặt đều là HCN; có 8 đỉnh và 12 cạnh.	+ hình khối trụ: Hộp hạt điều, bình nước, hộp cầu lông. + Hình khối cầu: Quả bóng, quả bóng tennis. + hình khối lập phương: Con xúc xắc, hộp quà. + Hình khối hộp chữ nhật: hộp bánh, quyển sổ. - HS lắng nghe. -HS quan sát lên chỉ trên màn hình. -HS lần lượt lên chỉ ra các mặt, cạnh, đỉnh của khối hộp chữ nhật và khối lập phương. + Giống nhau: khối hộp chữ nhật và khối lập phương đều có 6 mặt, 8 đỉnh và 12 cạnh. + Khác nhau khối hộp chữ nhật toàn bộ 6 mặt đều là hình chữ nhật.

- Khối lập phương có 6 mặt, các mặt đều là HV; có 8 đỉnh và 12 cạnh.

HĐ2. Luyện tập.

Bài 1: (Làm việc cá nhân)

a) Gọi HS lên bảng, chỉ trên vật mẫu hộp sáp màu, con xúc xắc các mặt, đỉnh, cạnh của hai mẫu vật đó.

- GV nhận xét, tuyên dương các em biết chỉ đúng đỉnh, cạnh, mặt của khối hộp.

b) Gv cho Hs nêu lại đặc điểm của khối hình chữ nhật và khối lập phương.

- YCHS thực hiện làm bài vào vở. Trao đổi chéo vở cho nhau để nhận xét.

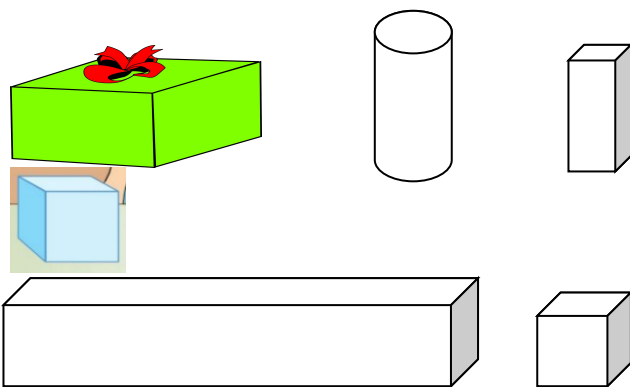
Chốt điểm giống và khác nhau của khối hộp chữ nhật và khối lập phương:

+ Giống nhau: khối hộp chữ nhật và khối lập phương đều có 6 mặt, 8 đỉnh và 12 cạnh.

+ Khác nhau khối hộp chữ nhật toàn bộ 6 mặt đều là hình chữ nhật.

Bài 2: (Làm việc nhóm 2). Quan sát hình vẽ, trả lời câu hỏi.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài tập.



- Chia lớp thành các nhóm đôi, thảo luận và trả lời theo đề bài.

a) Hình trên có bao nhiêu khối hộp chữ nhật, bao nhiêu khối lập phương?

b) Những hình nào có 6 mặt đều là hình vuông?

c) Những hình nào có 12 cạnh?

Khối lập phương toàn bộ 6 mặt đều là hình vuông.

- HĐCL : Đọc yêu cầu, phân tích đề bài.

- Đặt tính rồi tính

- HS lên bảng làm bài.

- Nhận xét

- 1 HS Đọc đề bài, quan sát hình ảnh.

- Lớp chia nhóm và thảo luận.

a) HS: Có 3 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương.

b) HS tự lên bảng chỉ ra những khối lập phương.

c) 3 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương là những hình có 12 cạnh.

- GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm khác nhận xét và giải thích câu trả lời của mình. - GV Nhận xét chung, tuyên dương. Bài 3: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi đoán hình . Mỗi tổ cử ra 2 bạn, một bạn bị bịt mắt bạn còn lại có nhiệm vụ nhìn vào hình ảnh trên màn hình máy chiếu mô tả đặc điểm của hình khối vừa được quan sát mà không nói tên của hình khối đó sao cho bạn của đội nào trả lời đúng, nhanh và nhiều nhất là đội chiến thắng. GV nhận xét 3. Vận dụng Bài 4: Em hãy chỉ ra các đồ vật trong lớp có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương - Nêu các đặc điểm của khối hộp chữ nhật và khối lập phương? - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS - Dặn HS chuẩn bị bài sau.	- 1HS hỏi - 1HS trả lời. - HS trả lời. - HS tham gia trò chơi. - HS nêu các đồ vật trong lớp có dạng hộp chữ nhật, khối lập phương. - HS nêu
--	--

TOÁN(tăng)

LUYỆN TẬP THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cách đọc giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng phút (BT1, 2, 3);
- Vận dụng được cách xem giờ vào thực tế.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

3. Phẩm chất.

Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

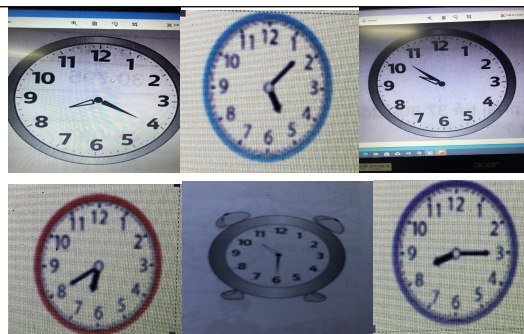
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Mô hình đồng hồ thật; Phiếu BT (bài 2).

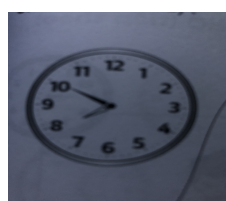
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: - GV mời 3 HS lên bảng quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ: + 10 giờ 12 phút, 8 giờ kém 3 phút, 14 giờ 45 phút. - GV mời HS nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương HS. 2. Luyện tập, thực hành HĐ1. Ôn tập cách xem giờ Trên mặt đồng hồ có những gì? -GV nhận xét chốt: trên mặt đồng hồ có kim giờ, kim phút, kim giây ... nhưng để xem giờ các em cần lưu ý 2 kim là kim giờ và kim phút. - Nêu cách xem giờ đúng? - Nêu cách xem giờ hơn? -Nêu cách xem giờ kém ? =>Chốt cách xem giờ - Giờ đúng:Kim giờ chỉ số nào thì đọc số đó. - Giờ hơn:Đọc số giờ + số phút hơn -Giờ kém: Đọc số giờ kế tiếp + kém + số phút kém. HĐ2:Luyện tập: Bài 1: Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ (Làm việc cá nhân) - GV mời HS đọc yêu cầu bài - GV cho HS làm bài miệng, trả lời cá nhân	- 3 HS lên bảng thực hiện - HS khác nhận xét bạn. -Trên mặt đồng hồ có kim ngắn (kim chỉ giờ), Kim dài(kim chỉ phút), kim nhỏ (kim chỉ giây) và các số từ 1 đến 12. -Kim giờ chỉ số nào thì đọc số đó. - Đọc số giờ + số phút hơn -Đọc số giờ kế tiếp + kém + số phút kém. -HS đọc yêu cầu đề bài -HS trả lời cá nhân trước lớp theo từng tranh. + Đồng hồ 1 chỉ 8 giờ 20 phút + Đồng hồ 2 chỉ 5 giờ 8 phút

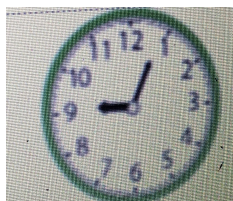


- Gọi HS đọc giờ các đồng hồ
- Gọi Hs nhận xét câu trả lời của bạn .
- =>GV chốt đáp án và cách xem đồng hồ

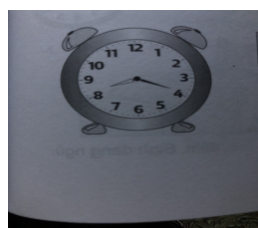
Bài 2 : Số



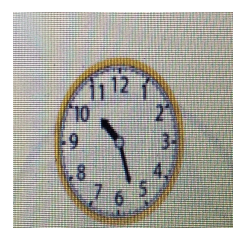
...giờ.....phút



...giờ.....phút



...giờ.....phút



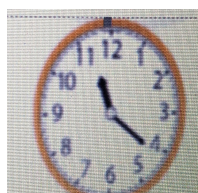
...giờ.....phút

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi làm vào phiếu học tập
- Gọi đại diện nhóm trả lời

-GV nhận xét chốt đáp án đúng

Bài 3: Nói số chỉ giờ với đồng hồ em cho là đúng

- GV gọi HS đọc đề



12 giờ kém 8 phút

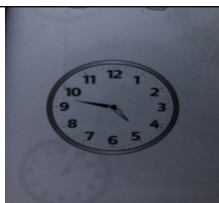
- + đồng hồ 3 chỉ 10 giờ kém 8 phút
- + Đồng hồ 4 chỉ 7 giờ kém 20 phút
- + Đồng hồ 5 chỉ 10 giờ 30 phút
- + Đồng hồ 6 chỉ 8 giờ 15 phút

- HS đọc đề bài

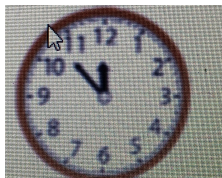
- HS thảo luận nhóm đôi làm vào phiếu học tập.
- Đại diện nhóm trả lời
- Nhóm khác nhận xét
- HS lắng nghe

- HS đọc đề
- HS lên bảng chỉ cách nói trên màn hình chiếu
- HS khác nhận xét

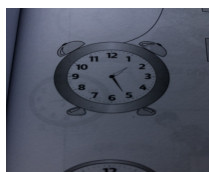
11 giờ 20 phút



5 giờ kém 12 phút



5 giờ 7 phút



=> Gv nhận xét chốt đáp án đúng

Bài 4: Nêu cách đọc giờ khác của các số chỉ giờ sau:

+ 1 giờ 25 phút =>

+ 8 giờ kém 15 phút =>

+ 17 giờ 30 phút =>

+ 21 giờ 10 phút =>

- HS đọc đề bài, hoạt động cá nhân nêu số giờ tương ứng.

+ 1 giờ 25 phút => 13 giờ 25 phút

+ 8 giờ kém 15 phút => 20 giờ kém 15 phút

+ 17 giờ 30 phút => 5 giờ 30 phút (chiều)

+ 21 giờ 10 phút => 9 giờ 10 phút (tối)

- Gv nhận xét cách đọc giờ, chỉnh sửa nếu cần thiết.

=> Chốt: có nhiều cách đọc giờ ta cần lưu ý đọc đúng.

- Nhận xét tiết học, tuyên dương HS

- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

TOÁN (Tăng)

LUYỆN TẬP: NGÀY, GIỜ, PHÚT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố mối quan hệ giữa ngày, giờ, phút.

- Vận dụng xác định ngày trong tháng số ngày có trong mỗi tháng trong năm (BT1, 2, 4).

- Vận dụng được cách xem giờ trên đồng hồ (BT3).

2. Năng lực chung.

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

3. Phẩm chất.

Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy (tờ lịch các tháng trong 1 năm).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi: <i>Ai nhanh – Ai đúng</i> về tuần lễ, ngày, giờ, phút. + 1 năm có bao nhiêu tháng? + Mỗi tháng thường có khoảng bao nhiêu ngày? + Tháng nào có 28 hoặc 29 ngày? + Kể tên các tháng có 30 ngày? + Kể tên các tháng có 31 ngày? + 1 tuần lễ có bao nhiêu ngày? Kể tên các thứ trong 1 tuần? + Một ngày có bao nhiêu giờ? + Một giờ có bao nhiêu phút? + Một phút có bao nhiêu giây? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới. HD2:Luyện tập: Bài 1: Đúng ghi Đ , sai ghi S -Tháng 2 có 30 ngày ☐ -Tháng 5 có 31 ngày ☐	- HS tham gia chơi trò chơi. + Một năm có 12 tháng. + Mỗi tháng có khoảng 30 ngày - Tháng 2 có 28 hoặc 29 ngày -Các tháng có 30 ngày là các tháng: 4,6,9,11. - Tháng có 31 ngày là các tháng: 1,3,5,7,8,10,12 - 1 tuần có 7 ngày. Các thứ trong 1 tuần: Thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật. - Một tháng có 30 hoặc 31 ngày, riêng tháng 2 có 28 hoặc 29 ngày. -HS đọc đề bài -HS tự làm vào phiếu -Nêu đáp án trước lớp

- Tháng 12 có 31 ngày ☐
- Tháng 9 có 31 ngày ☐
- Một tuần có 7 ngày ☐
- Một ngày có 25 giờ ☐
- Khi kim phút quay được một vòng thì kim giờ dịch chuyển được khoảng thời gian bằng 1 giờ ☐

=>GV nhận xét chốt đáp án đúng

Bài 2: Xem tờ lịch tháng 1 sau rồi viết tiếp vào phiếu:

GV phát phiếu

Tháng 1				
Thứ hai	5	12	19	26
Thứ ba	6	13	20	27
Thứ tư	7	14	21	28
Thứ năm	1	8	15	22
Thứ sáu	2	9	16	23
Thứ bảy	3	10	17	24
Chủ nhật	4	11	18	25

- Tháng 1 cóngày
- Ngày 5 tháng 1 là thứ.....
- Tháng 1 cóngày chủ nhật là các ngày
- Ngày thứ bảy đầu tiên của tháng 1 là thứ
- Ngày đầu tiên của tháng 1 là thứ.....
- Ngày cuối cùng của tháng 1 là thứ

- GV nhận xét chốt đáp án đúng

=> Chốt khi xem lịch cần quan sát kĩ tờ lịch đó

Bài 3: Các đồng hồ sau chỉ mấy giờ

-GV gọi HS đọc đề bài

- HS khác nhận xét
- Tháng 2 có 30 ngày S
- Tháng 5 có 31 ngày Đ
- Tháng 12 có 31 ngày Đ
- Tháng 9 có 31 ngày S
- Một tuần có 7 ngày Đ
- Một ngày có 25 giờ S
- Khi kim phút quay được một vòng thì kim giờ dịch chuyển được khoảng thời gian bằng 1 giờ Đ

-HS nhận phiếu quan sát tờ lịch rồi điền vào phiếu

- HS nêu đáp án đúng
- HS khác nhận xét
- Tháng 1 có 31 ngày
- Ngày 5 tháng 1 là thứ hai
- Tháng 1 có 4 ngày chủ nhật là các ngày 4,11,18, 25
- Ngày thứ bảy đầu tiên của tháng 1 là ngày 3
- Ngày đầu tiên của tháng 1 là thứ năm
- Ngày cuối cùng của tháng 1 là thứ bảy

